

DANH MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN (Từ năm 2016 đến 30/6/2024)

(Kèm theo Công văn số: 2751/STC-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2024)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
	Tổng	616	36.258.165	18.315.450	18.216.617	-98.833	-0,54%
I	Năm 2016	138	8.860.614	4.100.795	4.078.833	-21.962	-0,54%
1	Dự án Đường ô tô đến trung tâm xã Thạnh An - Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh	1	168.162	155.842	154.216	-1.626	
2	Trung tâm giáo dục thể chất quận Bình Thủy (Dự án ngừng thực hiện vĩnh viễn)	1	145.806	16.682	16.226	-456	
3	Đường tỉnh 932 đoạn Vàm Xáng - kênh Xáng Mới	1	38.476	42.680	41.910	-770	
4	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đoạn từ Cái Sơn - Hàng Bàng đến chợ Mỹ Khánh - Đường tỉnh 923	1	186.519	163.172	160.793	-2.379	
5	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc, hợp phần C thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông ĐBSCL (DA WB5)	1	129.620	115.832	115.735	-97	
6	DA thành phần số 5: Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 3 giai đoạn II, Dự án Nâng cấp đô thị TPCT	1	399.439	360.641	360.545	-96	
7	DA dừng thực hiện, dự án Nhà khách Cần Thơ	1	2.025	1.918	1.275	-643	
8	Dự án Thoát nước và xử lý nước thải TPCT - Hạng mục: XD đường tạm phục vụ thi công nhà máy xử lý nước thải	1	494.278	1.984	1.988	4	
9	Bệnh viện Đa khoa Quận Cái Răng	1	124.447	114.709	113.440	-1.269	
10	Đường Vành đai phi trường, quận Bình Thủy	1	119.348	109.926	109.385	-541	
11	Trung tâm kỹ thuật PTHH Cần Thơ	1	72.945	56.542	56.444	-98	
12	Trung tâm dạy nghề quận Ô Môn	1	35.486	33.873	33.739	-134	
13	Chi phí đầu tư từ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương của dự án Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án nâng cấp CSHT cấp 1 & 2 của tiểu dự án NCĐT TPCT, tỉnh Cần Thơ thuộc dự án Nâng cấp đô thị Việt Nam	1	3.898	761	737	-24	
14	Dự án NCĐT TPCT - DA thành phần số 6: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1 & 2 và hỗ trợ kỹ thuật, TK, GS, đào tạo cho giai đoạn 2	1	728.863	687.203	687.516	313	
15	Trường MN Trà An, quận Bình Thủy	1	35.725	26.040	25.963	-77	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
16	Cơ sở hạ tầng KDL Cồn Khương - Đường vào cầu (đoạn từ cầu cồn Khương đến bên tàu sông Hậu) - GĐ 1	1	76.300	66.668	66.679	11	
17	08 HT cấp nước tập trung thuộc dự án Hợp phần cung cấp nước và vệ sinh nông thôn TPCT thuộc dự án Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL WB6	1	117.628	68.063	67.992	-71	
18	Hạng mục: Chi phí QLDA thuộc dự án Nâng cấp đô thị TPCT	1	22.582	20.612	20.612	0	
19	Mở rộng mạng lưới cấp nước KCN-Tiểu thủ công nghiệp và dân cư thị trấn Thốt Nốt - Tuyến ống cấp nước D.300, D.250 gang và D.100 thép	1	12.435	3.894	3.895	1	
20	Khu TĐC Thới Nhứt 2, phường An Khánh	1	196.608	152.934	152.293	-641	
21	Ban CHQS quận Ninh Kiều - GĐ 2	1	19.282	14.799	14.660	-139	
22	Ban CHQS huyện Phong Điền - GĐ 2	1	20.348	15.877	15.762	-115	
23	Hạng mục: Tường rào Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu, dự án Thoát nước và xử lý nước thải TPCT	1	494.278	1.233	1.236	3	
24	Trường THCS An Hòa 2, phường An Hòa	1	51.436	43.756	43.675	-81	
25	Khu di tích lịch sử chiến thắng Ông Hào, xã Trường Long, huyện Phong Điền	1	31.513	31.109	31.129	20	
26	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư đường ô tô đến trung tâm phường Thới An (đoạn QL 91 đến Thới An)	1	49.994	48.012	47.918	-94	
27	Ba tuyến đường KCN Hưng Phú	1	123.928	37.297	37.031	-266	
28	Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu dân cư thuộc Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ Cái Sơn - Hàng Bàng đến Đường tỉnh 923)	1	54.154	47.566	47.465	-101	
29	Đường tỉnh 926, huyện Phong Điền, TPCT	1	48.615	34.637	34.271	-366	
30	Đầu tư xây dựng công trình kè chống sạt lở sông Ô Môn, TPCT, giai đoạn 1: từ cầu Ô Môn đến rạch Tắc Ông Thục	1	88.188	87.807	87.012	-795	
31	Hạng mục tiêu dự án thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 91 (đoạn km 14+000 - km 50+889) theo hình thức hợp đồng BOT	1	2.033.988	196.032	196.128	96	
32	Trường tiểu học Trung An 1, xã Trung An, huyện Cờ Đỏ	1	43.556	33.504	33.325	-179	
33	Cầu Ninh Kiều (cầu qua cồn Cái Khê)	1	55.933	40.287	39.577	-710	
34	Đường ô tô đến trung tâm phường Thới An (đoạn quốc lộ 91 đến Thới An)	1	168.414	119.853	119.001	-852	
35	Hạng mục hoàn thành SLMB giai đoạn 1 và giai đoạn 2 thuộc dự án SLMB khu Trung tâm hành chính huyện Cờ Đỏ,	1	137.987	58.042	55.982	-2.060	
36	Trụ sở Huyện ủy huyện Cờ Đỏ	1	54.512	45.127	44.802	-325	
37	Trường THCS Trung Thạnh, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	40.729	39.603	38.234	-1.369	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm (-)	Tỷ lệ giảm trừ
38	HM thiết bị và đồ gỗ cho BQLDA trường (TB18) thuộc dự án Tăng cường kỹ năng nghề do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ, thành phần thực hiện tại TPCT	1	41.024	111	111		
39	Dự án đầu tư xây dựng công trình Ban chỉ huy Quân sự huyện Cờ Đỏ (giai đoạn 2)	1	21.132	18.312	17.074	-1.238	
40	Kè sông Cần Thơ (đoạn Nhà hàng Ninh Kiều)	1	23.283	21.155	21.053	-102	
41	Mua vật tư mở rộng mạng cấp nước nông thôn	1	14.886	14.775	14.636	-139	
42	Chi phí mua 09 block chung cư 91B của Cty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà Cần Thơ	1	93.476	93.476	93.476	0	
43	Hạng mục: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị cho các trường dạy nghề thuộc Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	1	11.020	10.679	10.580	-99	
44	Mua sắm trang thiết bị nâng cao chất lượng nước cho các trạm cấp nước nông thôn	1	3.380	3.179	3.133	-46	
45	NCMR HTCN tại phường Trường Lạc và Thới An, quận Ô Môn (Thí điểm mô hình thử nghiệm cơ chế phối hợp ngành nước) thuộc DA "Nâng cao khả năng chống chịu của TPCT để ứng phó với xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu gây ra" do Tổ chức ISET đại diện Quỹ Rockefeller tài trợ	1	4.999	4.601	4.599	-2	
46	Dự án dừng thực hiện - hạng mục hoàn thành Lắp đặt HT thùng rác ép kín, XD đường dẫn vào điểm trung chuyển rác và điểm từng chuyển rác đường Trần Phú, phường Cái Khế	1	34.030	17.871	17.725	-146	
47	Đầu tư 05 máy nén khí thở và 02 xe tải nâng cho Cảnh sát PCCC TPCT	1	6.013	5.664	5.645	-19	
48	Thiết bị thí nghiệm thực hành Cơ bản, Kỹ thuật điện, Điện Công nghiệp, Điện tử	1	8.786	7.272	7.254	-18	
49	Đồ án QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 KDC, TĐC và TTVH-TDĐT phía nam QL91, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn	1	1.192	1.027	924	-103	
50	Trường MN Thường Thạnh, quận Cái	1	24.843	24.134	23.962	-172	
51	HTCN TT xã Thạnh Mỹ, huyện Vĩnh Thạnh	1	19.967	15.027	14.905	-122	
52	HTCT TT xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai	1	16.482	12.323	12.237	-86	
53	Tăng cường năng lực quan trắc và phân tích chất lượng môi trường phục vụ công tác QLNN về bảo vệ môi trường	1	45.307	43.339	43.213	-126	
54	Đầu tư 01 xe chữa cháy trang bị cho phòng CS PCCC quận NK	1	6.983	6.572	6.539	-33	
55	Đầu tư XD phòng thí nghiệm chẩn đoán và xét nghiệm thủy sản	1	3.891	3.576	3.565	-11	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
56	Mở rộng nhà nuôi dưỡng người già và trẻ em không nơi nương tựa TPCT (nay là Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ em không nơi nương tựa TPCT)	1	19.760	14.049	14.031	-18	
57	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Sở Kế hoạch Đầu tư	1	4.255	4.094	4.060	-34	
58	Mở rộng mặt đường tỉnh 922 đoạn từ thị trấn Thới Lai đến thị trấn Cờ Đỏ	1	31.081	28.630	28.436	-194	
59	Trường MN Hưng Thạnh	1	21.330	18.283	18.236	-47	
60	Trụ sở làm việc của Ủy ban Đoàn kết Công giáo TPCT	1	4.149	3.716	3.731	15	
61	Hạng mục giai đoạn đầu HTCN TT xã Thạnh An - Thạnh Thắng - Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh	1	54.410	18.579	18.611	32	
62	Xây dựng mới cầu Nước Vận, phường Lê Bình	1	19.786	19.238	19.165	-73	
63	Đường giao thông nội bộ, dự án Thoát nước và xử lý nước thải TPCT	1	494.278	114	115	1	
64	Cải tạo một bên CLB hưu trí thành Nhà tang lễ	1	4.044	3.985	3.952	-33	
65	Các chi phí TV đã thực hiện phục vụ lập dự án ĐTXD Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ TPCT	1	830	830	585	-245	
66	Trường THPT bán công Nguyễn Việt Dũng (nay là Trường THCS An Thới), quận Bình Thủy	1	9.479	9.211	9.254	43	
67	Trung tâm y tế dự phòng huyện Vĩnh	1	21.852	18.506	18.327	-179	
68	Nghĩa trang liệt sỹ TPCT; HM: Sơn hàng rào, cổng, tượng đài, thành mộ bồn hoa, nhà bia, nhà thờ Bác và cải tạo nâng cấp mộ liệt sỹ	1	9.935	9.931	9.879	-52	
69	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Phong Điền	1	20.050	18.657	18.726	69	
70	Trang thiết bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy phát điện dự phòng, sân khấu lưu động cho nhà hát Tây Đô	1	7.444	7.416	7.443	27	
71	Xây dựng khu dân cư tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại phường Trường Lạc, quận Ô Môn	1	6.717	5.927	5.925	-2	
72	Trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu niên và Nhi đồng quận Ô Môn	1	14.993	13.972	13.985	13	
73	Trường THCS Hưng Thạnh - HM: Khối phòng thí nghiệm và hạ tầng kỹ thuật	1	14.839	12.346	12.371	25	
74	Dự án dừng thực hiện dự án Trung tâm sinh hoạt Thanh niên quận Bình Thủy,	1	26.846	115	116	1	
75	Nạo vét Kênh Đông Pháp, huyện Thới Lai và huyện Cờ Đỏ TPCT	1	4.485	4.125	4.160	35	
76	Đầu tư mua sắm máy phát điện dự phòng cho các Trại giam, Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố	1	6.540	5.940	5.979	39	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
77	Hệ thống cấp nước xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	14.075	13.342	13.290	-52	
78	Trường Mầm Non thực hành Trường Cao đẳng Cần Thơ, hạng mục 09 phòng học kiên cố	1	8.630	7.808	7.848	40	
79	Nhà kho giữ xe vi phạm và hạ tầng kỹ thuật thuộc Công an thành phố Cần Thơ	1	7.648	7.252	7.285	33	
80	Trường THPT Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	12.894	10.456	10.456		
81	Khu đổ rác tạm tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	1	14.825	10.842	10.752	-90	
82	Dự án dừng thực hiện - hạng mục hoàn thành công trình Khu xử lý rác tạm (giai đoạn 2) nằm trong Khu quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn 47 ha tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, TPCT	1	96.175	14.052	13.846	-206	
83	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TPCT	1	8.779	8.207	8.148	-59	
84	Đường vào Trung tâm xã Định Môn, huyện Thới Lai, TPCT	1	30.623	30.357	29.902	-455	
85	Chi phí tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc và quy hoạch khu Trung tâm hành chính tập trung TPCT	1	1.966	1.289	1.301	12	
86	Xây dựng, mở rộng đường Án Khám - Ông Hào và cầu Ông Hào	1	29.904	25.683	25.340	-343	
87	Bồi thường hỗ trợ tái định cư và san lấp mặt bằng Trụ sở Công an huyện Cờ Đỏ	1	28.087	27.005	26.967	-38	
88	Đường vào Trung tâm xã Trường Thành, huyện Thới Lai, TPCT	1	29.779	25.238	25.230	-8	
89	Trường THPT Vĩnh Thạnh (GD 2)	1	24.907	19.544	19.507	-37	
90	Dự án dừng thực hiện: Dự án Khu tái định cư thuộc xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, TPCT	1	131.337	303	228	-75	
91	Trường TH Xuân Khánh 2, quận Ninh	1	23.304	16.420	16.342	-78	
92	Trường THPT Lương Đình Của, quận Ô Môn, HM: Khối phòng học	1	12.430	12.308	12.263	-45	
93	Dự án đầu tư xây dựng công trình Ban chỉ huy Quân sự quận Bình Thủy (giai đoạn 2)	1	20.333	17.594	17.558	-36	
94	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường TH An Phú, quận Ninh Kiều	1	21.500	19.067	18.987	-80	
95	Công trình Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu niên và nhi đồng huyện Vĩnh Thạnh	1	13.910	13.174	13.142	-32	
96	Các HM: BT-HT&TĐC - HTTN - Đường đá cấp phối - Gờ bó vỉa đường giao thông nội bộ - Di dời đường dây trung áp thuộc dự án Cụm dân cư vùng ngập lũ thị trấn Thạnh An	1	5.111	4.312	4.230	-82	
97	Dự án Trường THPT Lưu Hữu Phước GD	1	36.074	32.492	32.344	-148	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
98	Chi phí chuẩn bị đầu tư dự án ĐTXD công trình Hệ thống cấp nước Khu đô thị 2 bên đường Nguyễn Văn Cừ	1	309	218	130	-88	
99	Dự án KDC Trà Nóc (Cụm tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn 2)	1	53.126	45.339	44.926	-413	
100	Cụm dân cư vùng ngập lũ xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh	1	9.441	7.171	7.151	-20	
101	Công trình Trường THPT Thới Long - HM: Khôi hiệu bộ, hàng rào, nhà bảo vệ, sân đường, HTTN và hệ thống PCCC, báo cháy tự động, bể nước ngầm	1	14.115	13.875	13.828	-47	
102	Dự án Trường THPT Bình Thủy GD 2	1	24.903	19.063	19.060	-3	
103	Dự án trường TH Cái Khế 1, quận Ninh Kiều	1	20.364	18.961	18.811	-150	
104	Chi phí chuẩn bị đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Quốc Việt	1	280.711	886	788	-98	
105	Dự án Đường Phan Văn Trị, huyện Phong Điền	1	42.147	27.602	27.285	-317	
106	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban QLDA ĐTXD TPCT	1	1.798	1.717	1.717	0	
107	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu chứa và xử lý bùn thuộc Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu, quận Cái Răng	1	2.277	2.201	2.133	-68	
108	Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý hoạt động công chứng	1	496	454	455	1	
109	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp	1	2.194	2.156	2.141	-15	
110	Trường THPT Châu Văn Liêm - Hạng mục: Sửa chữa thay mới phần mái 02 dãy phòng học và dãy nhà truyền thống	1	1.153	1.058	1.063	5	
111	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Đông Thuận, huyện Thới Lai - Hạng mục: Sửa chữa cải tạo	1	282	280	280	0	
112	Trung tâm văn hóa Thể thao xã Trung An, huyện Cờ Đỏ - Hạng mục: Sửa chữa cải tạo trung tâm và xây mới nhà vệ sinh sân vận động	1	297	294	294	0	
113	Mái che khu mộ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa	1	1.151	1.087	1.087		
114	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Sở GDĐT	1	1.871	1.862	1.853	-9	
115	Bảo trì nâng cấp nhà H2 quy mô 03 tầng thuộc Trường CĐ Nghề Cần Thơ	1	2.494	2.316	2.302	-14	
116	XD nhà ở cho VĐV, HLV thể thao thành tích cao tại Khu LH TDTT TPCT	1	2.738	2.672	2.674	2	
117	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	1	188	173	162	-11	
118	Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý ngành Thông tin Truyền thông	1	495	464	467	3	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
119	Sửa chữa hội trường và các phòng làm việc BQL các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại KCN Trà Nóc	1	547	514	517	3	
120	Trạm cảnh sát giao thông đường thủy Vàm Thới An	1	2.848	2.618	2.605	-13	
121	Gia cố, bảo dưỡng trụ ăngten cao 130m và di dời thiết bị Đài phát thanh truyền hình TPCT	1	487	485	487	2	
122	Cải tạo trụ sở làm việc Ban dân tộc TPCT	1	2.181	2.131	2.145	14	
123	Sửa chữa Trụ sở Ban an toàn giao thông TPCT	1	583	553	559	6	
124	Trung tâm văn hóa thể thao xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	298	298	298	0	
125	Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích Mộ nhà thơ Phan Văn Trị	1	567	538	541	3	
126	Trung tâm văn hóa thể thao ấp Thới Hữu, xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ và ấp Đông Hiệp, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, TPCT	1	294	290	292	2	
127	Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý các dự án đầu tư	1	976	912	916	4	
128	Nạo vét Kênh 1 (đoạn đường Trục-Bờ bao), xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	1.214	1.121	1.130	9	
129	Nạo vét Kênh 2 (đoạn đường Trục-Bờ bao), xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	1.578	1.439	1.451	12	
130	Đắp đê bao và trồng cây dọc tuyến công trình đường nối thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với TPCT	1	2.399	2.357	2.376	19	
131	Lắp đặt dải phân cách trên tuyến Quốc lộ 1A (tuyến cũ), quận Cái Răng, TPCT	1	1.598	1.399	1.398	-1	
132	Lắp đặt dải phân cách khu vực cầu Cái Răng và cầu Đầu Sấu trên địa bàn quận Ninh Kiều và quận Cái Răng, TPCT	1	2.084	1.572	1.560	-12	
133	Cải tạo mặt bằng Vòng xoay công viên nước phục vụ Lễ hội Bán dân gian Nam bộ lần IV-2015	1	483	438	437	-1	
134	Nâng cấp Thư viện thành phố, hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hàng rào, vỉa hè	1	489	454	429	-25	
135	Hệ thống thông tin tổng hợp quản lý hoạt động của các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	1	498	463	457	-6	
136	Dự án quy hoạch sử dụng vốn đầu tư phát triển Dự án quy hoạch 07 cụm dân cư vùng lũ huyện Thốt Nốt	1	318	316	318	2	
137	Công trình SVĐ Cần Thơ - Hạng mục: lắp đặt 02 phòng họp kỹ thuật, thay trang phục thi đấu khán đài A và 06 cột cờ khán	1	406	381	383	2	
138	Công trình Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích Đình Bình Thủy	1	683	648	652	4	
II	Năm 2017	109	9.702.126	3.656.870	3.636.759	-20.111	-0,55%

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
1	Hạng mục tiêu dự án thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 91 (đoạn km 14+000 - km 50+889) theo hình thức hợp đồng BOT	1	2.033.988	70.044	69.858	-186	
2	Hạng mục tiêu dự án thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 91 (đoạn km 14+000 - km 50+889) theo hình thức hợp đồng BOT	1		17.809	17.781	-28	
3	Bệnh viện Ung bướu TPCT (quy mô 500 giường)	1	2.068.928	11.490	5.966	-5.524	
4	Chi phí BT-HT&TĐC trên địa bàn TPCT thuộc dự án ĐTXD công trình Mở rộng QL1 đoạn Cần Thơ - Phụng Hiệp (đoạn km2078+317,73-km2100+0,00) theo BOT	1	72.370	33.339	33.121	-218	
5	Dự án Trung tâm Dạy nghề Cờ Đỏ (nay là Trường Trung cấp Nghề Thới Lai)	1	69.798	63.387	63.414	27	
6	Dự án Trung tâm Bảo trợ xã hội cho các đối tượng tâm thần lang thang TPCT GD 1	1	41.129	39.357	39.404	47	
7	Dự án Khu tưởng niệm thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy	1	57.844	57.731	57.648	-83	
8	Cơ sở hạ tầng Khu hành chính và TT TĐTT quận Bình Thủy	1	203.519	72.644	71.657	-987	
9	Hệ thống thoát nước thải KCN Trà Nóc	1	141.961	112.003	111.831	-172	
10	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc, giai đoạn 2, hợp phần C thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông ĐBSCL (dự án	1	128.927	88.444	88.264	-180	
11	Dự án Trường TH Thường Thạnh - Hạng mục: Khối 11 phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ và Mua sắm trang thiết bị giai đoạn 1	1	45.340	21.338	21.371	33	
12	Dự án Trụ sở UBND huyện Cờ Đỏ	1	71.406	63.444	63.259	-185	
13	Hạng mục Cầu, HT chiếu sáng và đường vào cầu Trà Nóc 2 thuộc công trình Tuyến Trà Nóc - Thới An Đông - Lộ Bức	1	152.743	41.947	41.586	-361	
14	Đường tỉnh 921 đoạn từ cầu Ngã Tư đến thị trấn Cờ Đỏ (dự án tồn đọng 2003 trở về trước)	1	89.197	72.656	70.764	-1.892	
15	Hệ thống cấp nước tập trung xã Đông Hiệp - xã Trường Xuân B và Mở rộng mạng lưới đường ống phân phối thuộc dự án Hợp phần Cung cấp nước và vệ sinh nông thôn TPCT thuộc dự án Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn	1	131.877	33.166	33.076	-90	
16	Dự án Xây dựng mở rộng BVĐK quận Ô Môn	1	56.835	54.919	54.081	-838	
17	Nạo vét kênh Thốt Nốt từ sông Hậu đến kênh ranh Cần Thơ - Kiên Giang	1	87.525	85.760	86.087	327	
18	Trụ sở Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ	1	97.041	79.781	79.064	-717	
19	Tuyến đường Thới Lai - Đông Bình, hạng mục: Đường giao thông, cầu giao thông và cống qua đường	1	130.203	114.508	113.521	-987	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
20	Hạng mục Khối 25 phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ thuộc công trình Trường TH Hưng Thạnh	1	49.294	26.236	26.162	-74	
21	Trường THPT An Khánh	1	65.965	54.760	54.829	69	
22	Công trình Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ - Xây dựng Khu điều trị nội trú 100 giường	1	33.044	32.668	32.459	-209	
23	Dự án Khối lớp học, phòng TN thực hành thuộc Trường ĐH KTCN	1	47.865	37.233	37.134	-99	
24	Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh - 14 hạng mục	1	142.780	29.636	29.324	-312	
25	Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh - 02 hạng mục	1		12.705	12.347	-358	
26	Đường tỉnh 917 đoạn từ cầu Trà Nóc 2 đến QL 91B	1	62.720	41.271	40.987	-284	
27	Đường Nguyễn Văn Cừ từ đường CMT8 đến đường Mậu Thân	1	262.757	211.620	211.107	-513	
28	Đường ô tô đến trung tâm phường Hưng Thạnh	1	64.371	50.415	50.287	-128	
29	Trụ sở HĐND, UBND và các phòng, ban thuộc huyện Vĩnh Thạnh	1	27.311	24.279	24.046	-233	
30	Dự án NCĐT TPCT - dự án thành phần số 6: Nâng cấp CSHT cấp 1,2 và hỗ trợ kỹ thuật, TK, GS, đào tạo cho giai đoạn II	1	728.863	687.611	687.611		
31	Chi phí đầu tư từ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương của dự án Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án nâng cấp CSHT 1 & 2 của tiểu dự án NCĐT TPCT, tỉnh Cần Thơ thuộc dự án Nâng cấp đô thị Việt Nam	1	3.898	761	761		
32	Trường THPT Giai Xuân	1	56.723	43.620	43.586	-34	
33	Trường Mầm non Tân Lộc	1	17.765	17.673	17.348	-325	
34	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Thạnh	1	138.153	127.541	127.121	-420	
35	Ban CHQS huyện Cờ Đỏ	1	48.861	47.129	46.067	-1.062	
36	Tiểu DA chi phí BT-HT&TĐC đợt 1 thuộc DA Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần 2	1	772.638	219.631	219.797	166	
37	Hạng mục: Nâng cao độ miêng hố ga, hố tách dòng và trạm bơm thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải TPCT	1	494.278	1.228	1.234	6	
38	Hạng mục Cây xanh thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải TPCT	1		173	174	1	
39	Dự án Thoát nước và xử lý nước thải TPCT - Hạng mục: Tường rào trạm bơm Rạch Ngỗng	1		144	145	1	
40	Đường Lê Thị Tạo	1	36.343	30.917	30.749	-168	
41	Trung tâm dạy nghề huyện Thốt Nốt	1	70.745	22.097	21.429	-668	
42	Công trình Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ TPCT giai đoạn 1	1	48.524	46.317	46.299	-18	
43	Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ Long Xuyên	1	20.350	19.905	19.888	-17	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
44	Trung tâm lưu trữ Thành ủy Cần Thơ	1	9.546	9.165	9.230	65	
45	Dự án Trụ sở Huyện ủy huyện Vĩnh Thạnh	1	27.082	23.478	23.358	-120	
46	Hệ thống thoát nước kênh Rạch Chùa	1	3.925	3.797	3.724	-73	
47	Dự án ĐTXD cầu Quang Trung - đơn nguyên 2	1	2.461	2.133	1.807	-326	
48	Cơ sở hạ tầng đường quanh Công viên nước, phường Cái Khế	1	19.461	18.474	18.450	-24	
49	Dự án HTCN xã Thạnh An - Thạnh Thắng - Thạnh Lợi	1	54.410	45.952	45.940	-12	
50	Tiểu hợp phần vệ sinh nông thôn thuộc dự án Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn Vùng ĐBSCL	1	9.538	8.277	8.293	16	
51	KDC phục vụ hộ dân sạt lở khu vực Phong Điền (KDC vượt lũ GD 2)	1	35.722	32.662	32.418	-244	
52	Cụm dân cư vùng ngập lũ xã Vĩnh Trinh	1	10.536	8.604	8.610	6	
53	Doanh trại Đại đội Trinh Sát	1	13.537	12.579	12.622	43	
54	Trụ sở cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	13.388	12.214	12.266	52	
55	Dự án Đầu tư trang thiết bị HT SPECT 02 đầu thu tại BV Ung bướu TPCT	1	14.989	14.883	14.595	-288	
56	Khu hậu cứ Đoàn Cải lương Tây Đô	1	23.195	19.495	19.532	37	
57	Trường Mầm non Bùi Hữu Nghĩa	1	27.089	26.783	26.755	-28	
58	Công trình Tăng cường năng lực Trung tâm Kiểm định và QHXD Cần Thơ thành Trung tâm vùng ĐBSCL	1	18.047	17.801	17.865	64	
59	Công trình Cụm dân cư vùng ngập lũ xã Thạnh Lộc, huyện Thốt Nốt (nay là huyện Vĩnh Thạnh)	1	6.422	5.975	5.852	-123	
60	Hệ thống cấp nước tập trung xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ	1	32.981	28.938	28.877	-61	
61	Trường Tiểu học Phú Thứ 1	1	23.600	20.589	20.574	-15	
62	Trụ sở Chi cục thủy sản	1	5.320	4.929	4.950	21	
63	Dự án Đường Phan Văn Trị, huyện Phong Điền	1	42.147	27.602	27.285	-317	
64	Kè bờ sông Bình Thủy đoạn trước Khu di tích Quốc gia (chùa Nam Nhã)	1	13.614	12.552	12.568	16	
65	Cầu Vàm Ông Cừ	1	38.749	35.833	35.875	42	
66	Cầu từ đường Trần Phú qua Cồn Khương	1	509	859	509	-350	
67	Xây dựng công trình 02 trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục trên địa bàn TPCT	1	5.693	5.605	5.540	-65	
68	Trường THPT Thốt Nốt - Hạng mục Cải tạo, mở rộng	1	28.637	25.565	25.536	-29	
69	Nạo vét kênh Vàm Bi, xã Trường Long, huyện Phong Điền	1	6.982	6.695	6.731	36	
70	Nạo vét kênh Ngã Tư - Ba Đá, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ	1	4.838	4.143	4.142	-1	
71	Nạo vét kênh KH1 xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ và xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh	1	5.277	4.726	4.727	1	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
72	Xây dựng 03 cây cầu phục vụ cho nhân dân vùng đồng bào nghèo, khó khăn thuộc huyện Thới Lai và Cờ Đỏ	1	1.618	1.480	1.487	7	
73	Mua nhà ở Công vụ	1	11.750	11.750	11.750	0	
74	Trung tâm dạy nghề huyện Vĩnh Thạnh	1	11.246	10.592	9.963	-629	
75	Đường ô tô đến trung tâm xã Trường	1	61.435	54.932	55.019	87	
76	Cầu Càng Đước và cầu Ông Hào trên Đường tỉnh 926	1	39.546	34.654	34.582	-72	
77	Hệ thống thiết bị thu hình phim trường	1	12.139	11.400	11.349	-51	
78	Chi phí BT-HT&TĐC khi NN thu hồi đất dự án Xây dựng Xưởng sửa chữa tại phường Ba Láng	1	13.510	12.550	12.601	51	
79	HTCN TT xã Nhơn Nghĩa	1	10.958	9.956	9.913	-43	
80	Đường Trường Long - Vàm Bi	1	4.740	3.155	3.126	-29	
81	Mua sắm TTB Bệnh viện Phụ sản	1	14.589	13.867	13.781	-86	
82	Hệ thống cấp nước tập trung xã Đông	1	19.080	17.005	16.925	-80	
83	Hệ thống cấp nước tập trung xã Thạnh Phú	1	14.007	12.897	12.840	-57	
84	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cờ Đỏ	1	25.001	19.894	19.544	-350	
85	Đoạn đường kết nối công ra vào bến xe Khu đô thị Nam Cần Thơ với đường dẫn vào cầu Cần Thơ	1	17.844	16.270	16.244	-26	
86	Trụ sở UBND phường Thới Thuận	1	7.106	6.392	6.315	-77	
87	Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa giai đoạn 2	1	16.396	15.224	15.203	-21	
88	Trung tâm báo chí và điều hành HKPĐ năm 2012 tại Sở GDĐT	1	13.360	11.864	11.610	-254	
89	Mua sắm TTB cho thư viện TPCT	1	3.768	3.414	3.310	-104	
90	Trường THPT Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh - HM: Tường rào và SLMB	1	1.998	1.696	1.705	9	
91	Dự án Thiết kế kỹ thuật dự toán xác định cắm mốc, đo đạc ranh giới, mốc ranh giới đất Nông trường Sông Hậu	1	1.383	1.078	1.089	11	
92	Dự án xác định, cắm mốc, đo đạc ranh giới, mốc ranh đất Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ (Nông trường Cờ Đỏ)	1	680	596	602	6	
93	Nâng cấp đường dẫn, cải tạo SC đường cống thoát nước khu thành mộ liệt sĩ, sơn tượng đài, công, hàng rào, nhà quản trang, bồn hoa Nghĩa trang liệt sĩ Long Xuyên	1	2.049	1.939	1.939		
94	Nhà tạm giữ hành chính trại giam Long Xuyên thuộc Công an TPCT	1	973	960	939	-21	
95	Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ - Nghĩa trang liệt sĩ TPCT	1	4.946	4.813	4.791	-22	
96	Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ - Nghĩa trang liệt sĩ TPCT	1	2.000	1.961	1.952	-9	
97	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp TPCT	1	1.115	1.064	1.063	-1	
98	Cải tạo, sửa chữa CLB Hưu trí và giai đoạn 2 Nhà tang lễ	1	677	668	672	4	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
99	Xây dựng Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý công tác ngoại vụ	1	489	459	461	2	
100	Cải tạo HT xử lý nước rỉ rác và phủ hồ chôn tạm tại Khu xử ký chất thải rắn tại quận Ô Môn	1	1.281	1.154	1.161	7	
101	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Ninh Kiều	1	826	731	729	-2	
102	XD mới tường rào phía sau trụ sở UBND TPCT	1	810	689	685	-4	
103	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Sở NN&PTNT	1	696	681	680	-1	
104	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	1	1.624	1.603	1.612	9	
105	Cải tạo, sửa chữa Trường Trung cấp	1	3.691	3.600	3.622	22	
106	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa	1	1.918	1.880	1.883	3	
107	Trường CĐ Nghề - Hạng mục: Bảo trì, nâng cấp xưởng thực hành cơ khí	1	1.213	1.198	1.179	-19	
108	SC, cải tạo Trung tâm TV hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài và trụ sở Trung tâm dạy nghề phụ nữ	1	1.729	1.624	1.633	9	
109	Lắp đặt và sửa chữa trụ chữa cháy	1	2.361	1.535	1.525	-10	
III	Năm 2018	110	8.915.403	3.717.455	3.699.584	-17.871	-0,48%
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư - Tiểu dự án Quốc lộ 91 Cần Thơ (đoạn KM7+00-KM14+00) thuộc Tiểu dự án 1, Hợp phần A - Dự án Phát triển Cơ sở hạ tầng Giao thông ĐBSCL (Đợt 1)	1	2.569.776	441.561	441.561		
2	Bệnh viện Nhi đồng TPCT (quy mô 500 giường)	1	861.397	830.422	830.985	563	
3	Chi phí BT, HT và TĐC (đợt 2) Dự án Khôi phục Quốc lộ 1 và cầu Đầu Sáu, cầu Cái Răng - thuộc dự án Khôi phục các cầu trên Quốc lộ 1 - Giai đoạn III, đoạn Cần Thơ - Cà Mau	1	493.225	32.015	31.858	-157	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu hành chính huyện Cờ Đỏ - GD 1	1	102.280	72.586	72.232	-354	
5	Trường THPT Thuận Hưng	1	40.970	38.976	38.808	-168	
6	Trường THCS Châu Văn Liêm	1	68.197	59.254	58.915	-339	
7	Doanh trại Tiểu đoàn Tây Đô	1	120.835	96.422	94.900	-1.522	
8	Đường Nhon Ái - Giai Xuân (nối đường tỉnh 923 và Hương lộ 28)	1	90.602	548	550	2	
9	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	1	88.895	88.755	87.789	-966	
10	Đường vào trung tâm xã Trung Thạnh	1	91.779	88.716	88.577	-139	
11	Trụ sở Huyện ủy huyện Phong Điền	1	12.397	11.560	11.429	-131	
12	01 hạng mục công trình thuộc dự án BVĐK huyện Vĩnh Thạnh	1	142.780	7.984	7.293	-691	
13	01 hạng mục công trình thuộc dự án BVĐK huyện Vĩnh Thạnh	1		18.469	18.384	-85	
14	Trường THPT Phan Văn Trị	1	72.736	60.774	60.642	-132	
15	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ, HM: Khối xưởng 04 tầng và thư viện	1	73.793	69.131	68.787	-344	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm (-)	Tỷ lệ giảm trừ
16	Trường THCS Lương Thế Vinh	1	13.849	11.111	11.038	-73	
17	Trụ sở HĐND, UBND và các Phòng, Ban thuộc huyện Phong Điền, TPCT	1	17.158	16.678	16.356	-322	
18	Trường Tiểu học Cái Khế 2, quận Ninh Kiều, TPCT	1	43.522	38.467	38.267	-200	
19	Trường THPT Hà Huy Giáp (giai đoạn 1), huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	66.525	58.967	58.940	-27	
20	Nhà khách Thành ủy TPCT (Dự án dừng thực hiện)	1	113.496	22.816	22.900	84	
21	Đường Khu du lịch Cồn Cái Khế TPCT	1	19.194	1.427	1.423	-4	
22	Trường THPT Phú Thứ (giai đoạn 1)	1	80.087	79.362	79.128	-234	
23	Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Thốt Nốt	1	23.327	21.794	21.466	-328	
24	Tỉnh lộ 29 (nay là Đường tỉnh 922)	1	35.135	30.319	30.351	32	
25	Trường THCS An Khánh, phường An Khánh, TPCT	1	47.857	46.003	45.865	-138	
26	Trung tâm y tế dự phòng quận Thốt Nốt	1	38.316	32.151	32.070	-81	
27	Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công ĐTXD công trình Khu dân cư thương mại huyện Phong Điền, TPCT	1	550.895	76.182	74.940	-1.242	
28	Trường Tiểu học Hưng Thạnh, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, TPCT	1	49.293	40.223	40.176	-47	
29	Khu tái định cư Trung tâm văn hóa Tây Đô - giai đoạn 1; Hạng mục: San lấp mặt	1	291.221	25.874	23.301	-2.573	
30	Hạng mục công trình độc lập hoàn thành Đầu tư xây dựng công trình Trại thực nghiệm Trường Cao đẳng KTKT Cần Thơ	1	76.822	26.239	26.255	16	
31	Trung tâm phòng chống AIDS Cần Thơ	1	53.928	52.711	51.950	-761	
32	Trường THPT thị trấn Cái Răng	1	20.593	20.577	20.362	-215	
33	Cụm DCVL Thạnh Mỹ mở rộng (Thạnh Quới), huyện Vĩnh Thạnh	1	68.706	61.566	60.781	-785	
34	Hợp phần cung cấp nước và vệ sinh nông thôn TPCT thuộc dự án Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (WB6)	1	131.876	120.716	120.526	-190	
35	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự TPCT	1	53.442	52.869	52.582	-287	
36	Tiểu dự án chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2) thuộc dự án Tín dụng ngành giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần thứ 2	1	772.638	19.413	19.271	-142	
37	Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa (giai đoạn 1), quận Bình Thủy	1	29.585	28.309	28.275	-34	
38	Đường tỉnh 934 (tuyến rạch Chôm - Thới An - Quốc lộ 91A) (Dự án dừng thực hiện)	1	125.097	16.201	15.200	-1.001	
39	Đường T7 Thạnh Mỹ - Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	69.409	65.352	63.515	-1.837	
40	Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tại TPCT	1	369.032	216.227	216.133	-94	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
41	Cầu đi bộ từ bến Ninh Kiều qua cồn Cái Khế	1	52.851	51.057	50.939	-118	
42	Đường Vàm Bi - Trường Thành	1	12.311	627	540	-87	
43	Trường TH Thường Thạnh	1	45.340	32.794	32.755	-39	
44	Bờ kè rạch Cái Khế đoạn từ cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều	1	15.813	13.714	13.350	-364	
45	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS Long Xuyên	1	9.371	8.581	8.543	-38	
46	Nhà thi đấu đa năng Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1	8.463	8.179	8.176	-3	
47	Chi phí BT-HT&TĐC khi NN thu hồi đất công trình XD Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự quận NK	1	24.407	21.105	21.067	-38	
48	Chi phí BT-HT&TĐC khi NN thu hồi đất công trình XD Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện PD	1	9.122	8.509	8.490	-19	
49	Quản lý ngập lụt và sạt lở đất đô thị dựa vào cộng đồng cho TPCT	1	6.682	5.845	5.733	-112	
50	Kè sông Trà Niên và chống xói lở Kè chợ Phong Điền	1	47.850	39.222	38.984	-238	
51	Phát triển, nâng cấp và mở rộng hệ thống quản lý văn bản và điều hành của TP đến cấp xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn	1	6.600	5.558	5.575	17	
52	Hạng mục Chi phí QLDA phần vốn đối ứng và thuế thuộc dự án Tăng cường kỹ năng nghề do ADB tài trợ tại TPCT	1	8.663	7.260	7.248	-12	
53	Trung tâm dạy nghề huyện Cờ Đỏ	1	29.704	21.561	21.334	-227	
54	Khối nhà thư viện, thực hành, thể nghiệm, triển lãm và mua sắm trang thiết bị Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật,	1	18.825	15.535	15.403	-132	
55	Mua sắm trang thiết bị y tế cho công tác phòng, chống bệnh, dịch MERS-CoV tại TPCT	1	10.596	10.462	10.437	-25	
56	Cải tạo, sửa chữa và xây mới Trung tâm công tác xã hội TPCT	1	13.197	11.997	11.989	-8	
57	HTCN tập trung xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TPCT	1	11.583	10.355	10.321	-34	
58	Khối 16 phòng học, hàng rào và nhà bảo vệ thuộc Trường THPT Bình Thủy, quận Bình Thủy, TPCT	1	13.693	11.132	11.058	-74	
59	Văn phòng làm việc và phòng trưng bày của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Cần Thơ	1	6.195	5.696	5.710	14	
60	Trung tâm dạy nghề huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1) (Dự án dừng thực hiện)	1	37.433	459	462	3	
61	Mua sắm trang thiết bị triển khai thực hiện bệnh viện vệ tinh tại Bệnh viện Nhi đồng TPCT	1	4.930	4.792	4.791	-1	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
62	Mua sắm trang thiết bị triển khai thực hiện bệnh viện vệ tinh tại Bệnh viện Ung bướu TPCT	1	4.939	4.788	4.786	-2	
63	Khu di tích lịch sử địa điểm chiến thắng của tiểu đoàn Tây Đô tại rạch Ông Cửu năm 1968, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, TPCT	1	18.911	17.906	17.707	-199	
64	Trường THPT Bán công Thốt Nốt (Dự án dừng thực hiện)	1	23.354	442	442	0	
65	Nạo vét kênh Thơm Rôm (Kênh Chàm Rôm - Thơm Rôm từ cầu Thơm Rôm đến ngã ba kênh Thốt Nốt), quận Thốt Nốt, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	11.516	10.953	10.768	-185	
66	Trụ sở Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường TPCT	1	6.719	6.525	6.516	-9	
67	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân thành phố thuộc dự án Khu đô thị đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến Quốc lộ 91B, quận Ninh Kiều, TPCT	1	3.175	2.894	2.915	21	
68	HTCN tập trung xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	32.980	32.655	32.632	-23	
69	Quyết toán bổ sung Chi phí kiểm tra chất lượng công trình: Ban CHQS huyện Vĩnh Thạnh (gđ 2); Ban CHQS quận Cái Răng (gđ 2); Ban CHQS huyện Phong Điền (gđ 2); Ban CHQS quận Ninh Kiều (gđ 2); Ban CHQS quận Bình Thủy (gđ 2); Ban CHQS huyện Cờ Đỏ (gđ 2)	1	729	603	537	-66	
70	Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn, công trình: Nâng cấp đê bao bờ Bắc tuyến kênh Đồn Đông từ B-H, xã Thạnh Lợi, xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	7.706	4.775	4.752	-23	
71	Đường ô tô đến Trung tâm phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TPCT	1	26.107	23.531	23.525	-6	
72	Trung tâm bảo trợ xã hội cho các đối tượng tâm thần lang thang TPCT (giai đoạn 2), hạng mục Trại bệnh nhân B	1	8.733	8.527	8.560	33	
73	Khu dân cư Trà Nóc (Cụm, tuyến khu dân cư vượt lũ giai đoạn 2), quận Bình Thủy, TPCT; HM: Bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	1	360	360	360	0	
74	Hoàn chỉnh nút giao đầu tuyến theo quy mô 04 làn xe thuộc dự án Đường nối thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang với TPCT (đoạn thuộc TPCT)	1	18.213	17.376	17.197	-179	
75	Lắp đặt 07 vị trí camera trên cầu Cần Thơ và QL 91B	1	2.990	2.618	2.583	-35	
76	Nâng cấp, cải tạo và đầu tư sân bóng đá quận Thốt Nốt	1	9.238	9.145	9.132	-13	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
77	Nạo vét kênh KH8 (từ cống KH8 đến kênh Ranh Cần Thơ - Kiên Giang), quận Ô Môn và huyện Thới Lai, TPCT	1	33.080	30.739	30.694	-45	
78	Dự án ĐTXD đồng bộ hạ tầng mạng LAN tại UBND xã, phường, thị trấn	1	14.415	9.849	9.810	-39	
79	Bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC thuộc dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn Cần Thơ - Phụng Hiệp (đoạn km 2078+317,73 - km 2100+0,00) theo hình thức hợp đồng BOT	1	72.370	167	167	0	
80	Mua sắm 01 tàu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho cảnh sát phòng cháy và chữa cháy TPCT (nay là Công an TPCT)	1	17.102	15.263	15.148	-115	
81	Trùng tu di tích Đình Thới An, quận Ô Môn, TPCT	1	6.723	6.626	6.605	-21	
82	Đầu tư mua sắm phương tiện phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công an TPCT (Dự án dừng thực hiện)	1	19.313	64	27	-37	
83	Đầu tư mua sắm hàng hóa theo đề án đảm bảo chiến lược an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của thành phố đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Dự án dừng thực hiện)	1	61.963	328	118	-210	
84	BT, HT và TĐC thuộc dự án Di tích lịch sử Lộ Vòng Cung Cần Thơ - giai đoạn 1 Khu A (Khu tường niệm) tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TPCT	1	56.476	47.947	47.867	-80	
85	Hạng mục SLMB 03 trục đường thuộc dự án KDC vùng ngập lũ xã Trường Long, huyện Châu Thành A (nay là huyện Phong Điền)	1	69	57	57	0	
86	SC, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Nội vụ	1	932	927	909	-18	
87	Nâng cấp và cải tạo trụ sở làm việc Hội Nông dân TPCT	1	899	869	866	-3	
88	Nghĩa trang Liệt sỹ Long Xuyên, quận Bình Thủy; HM: Nâng cấp sân trước, cải tạo sửa chữa đường cống thoát nước công chính, nâng cấp sân phía sau tượng đài, ốp đá granite nền tượng đài và tam cấp	1	3.636	3.614	3.611	-3	
89	Nghĩa trang Liệt sỹ TPCT, HM: Sơn hàng rào, công tượng đài, thành mộ, bồn hoa, nhà thờ Bác, nhà bia, nhà tường niệm, bồn nước, cải tạo sửa chữa nhà quản trang, nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sỹ và các hạng mục khác	1	4.970	4.936	4.932	-4	
90	Mua sắm thiết bị tăng cường năng lực đào tạo ngoại ngữ	1	3.274	3.257	3.260	3	
91	Hàng rào Trường Cao đẳng Cần Thơ	1	728	667	666	-1	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
92	Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn: Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo TPCT giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020	1	262	120	120		
93	Di dời hoàn trả lưới điện về vị trí các cầu trên Đường tỉnh 921 (đoạn từ cầu Ngã Tư đến thị trấn Cờ Đỏ), huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	792	703	692	-11	
94	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Sở Xây dựng TPCT	1	4.890	4.587	4.620	33	
95	Nâng cấp, sửa chữa kho vũ khí - đạn thuộc Bộ chỉ huy quân sự TPCT	1	4.189	3.933	3.925	-8	
96	Nâng nền sân sau và hành lang hội trường Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em không nơi nương tựa TPCT	1	602	572	572		
97	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh - điều hòa nhiệt độ và Kỹ thuật xây dựng	1	3.980	3.941	3.918	-23	
98	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ, hạng mục: Bảo trì, nâng cấp xưởng thực hành cơ khí 2	1	1.172	1.166	1.164	-2	
99	Sân bóng chuyên bãi biển	1	2.601	2.559	2.551	-8	
100	Đầu tư mua sắm công cụ hỗ trợ trang bị cho Công an xã, phường, thị trấn thuộc Công an TPCT	1	3.605	3.403	3.378	-25	
101	Đầu tư mua sắm, lắp đặt thiết bị chống sét lan truyền cho Hệ thống thông tin quản lý nhân - hộ khẩu TPCT	1	3.055	2.942	2.924	-18	
102	Cải tạo, mở rộng trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông TPCT	1	3.459	3.063	3.044	-19	
103	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THCS và THPT Trần Ngọc Hoàng	1	593	545	545	0	
104	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Thốt Nốt	1	690	633	628	-5	
105	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Lưu Hữu Phước	1	674	618	618		
106	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Hà Huy Giáp	1	638	586	585	-1	
107	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Thới Long	1	539	494	494	0	
108	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa	1	523	448	447	-1	
109	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1	769	705	705		

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
110	Mua sắm xe chữa cháy cho các đơn vị: Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy huyện Thới Lai, Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận Ô Môn, Đội Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Ngã Ba Lộ Tê quận Thốt Nốt thuộc Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy TPCT (nay là Công an TPCT)	1	26.456	24.862	24.819	-43	
IV	Năm 2019	89	3.731.552	2.900.665	2.882.389	-18.276	-0,63%
1	Trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa TPCT	1	605.005	578.082	578.304	222	
2	Tuyến giao thông Bốn tổng - Một ngàn (đoạn từ Quốc lộ 80 đến kênh Ranh)	1	1.345.492	887.158	874.483	-12.675	
3	Bãi xử lý chất thải rắn Tân Long và di dời bãi rác Đông Thạnh (trên cơ sở phương án chôn rác tại chỗ) (Dự án dừng thực)	1	110.212	35.081	34.354	-727	
4	Nạo vét và bờ kè rạch Khai Luông, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1	68.158	52.366	51.970	-396	
5	Trường THCS Lê Lợi, quận Ô Môn,	1	44.645	37.344	37.242	-102	
6	Trường THCS Thới Hòa, quận Ô Môn, TPCT	1	54.951	40.171	40.044	-127	
7	Đường ô tô vào Trung tâm xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh	1	28.791	28.481	28.268	-213	
8	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm TPCT	1	218.058	171.328	171.397	69	
9	Bệnh viện Tâm thần Cần Thơ, quận Ô Môn, TPCT	1	103.814	93.585	93.664	79	
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh	1	142.780	124.675	123.084	-1.591	
11	Bệnh viện Quân dân y TPCT	1	99.908	97.708	97.447	-261	
12	Trạm Cảnh sát giao thông cửa ô Thới Thuận - huyện Thốt Nốt (nay là quận Thốt Nốt), trạm Cảnh sát giao thông cửa ô Hưng Thạnh - quận Cái Răng, trạm cảnh sát giao thông cửa ô Ba Láng - quận Cái Răng thuộc Công an TPCT	1	37.544	34.214	34.334	120	
13	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở quản lý dữ liệu đất đai huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	96.545	86.804	86.750	-54	
14	Trường THCS Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	1	42.083	36.544	36.311	-233	
15	Đường tỉnh 921 đoạn từ Thốt Nốt đến cầu Ngã Tư (Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng)	1	73.156	12.252	12.261	9	
16	Mua sắm trang thiết bị phục vụ Báo Cần Thơ điện tử	1	7.099	6.763	6.561	-202	
17	Nâng cấp, cải tạo và đầu tư sân bóng đá quận Ô Môn	1	10.230	10.194	10.200	6	
18	Chi phí chuẩn bị đầu tư thực hiện giai đoạn 1, dự án Trường THPT Châu Văn	1	2.091	2.030	1.865	-165	
19	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân thành phố	1	9.624	9.601	9.526	-75	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
20	Xây dựng Trụ sở các Đội thanh tra giao thông - Thanh tra Sở Giao thông vận tải và các Đại diện cảng vụ đường thủy nội địa - Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải	1	8.373	6.733	6.663	-70	
21	Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1	29.869	29.816	29.689	-127	
22	Cải tạo, sửa chữa Sân vận động Cần Thơ	1	9.256	8.085	7.998	-87	
23	Trường THCS và THPT Trần Ngọc Hoàng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	17.167	14.424	14.362	-62	
24	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trụ sở Ban bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành ủy	1	14.792	13.740	13.815	75	
25	Khu tưởng niệm cố soạn giả Mộc quán Nguyễn Trọng quyền, quận Thốt Nốt, TPCT	1	36.491	35.751	35.697	-54	
26	Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính	1	10.709	10.408	10.227	-181	
27	Trường THPT chuyên Phú Thứ	1	24.950	22.009	21.881	-128	
28	Quản lý chất thải rắn y tế Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện	1	23.391	19.848	19.821	-27	
29	Trường Tiểu học Long Hưng, quận Ô Môn, TPCT	1	26.219	24.154	24.051	-103	
30	Trường Tiểu học Long Hòa 1, quận Bình Thủy, TPCT	1	26.003	21.771	21.609	-162	
31	Cải tạo Bệnh viện Ung bướu TPCT	1	17.442	17.139	17.199	60	
32	Nhà thi đấu cầu lông, cầu đá (Dự án dừng thực hiện)	1	14.996	180	180		
33	Trường THPT Bình Thủy (giai đoạn 3), quận Bình Thủy, TPCT	1	27.764	21.806	21.661	-145	
34	Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ	1	15.245	14.376	14.344	-32	
35	Trường THCS Thạnh Phú 1, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	29.230	25.641	25.587	-54	
36	Hệ thống DSA 02 bình điện	1	39.778	38.608	38.517	-91	
37	Trường Mầm non Phước Thới 3, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	1	34.370	30.649	30.628	-21	
38	Khối nhà ở sinh viên thuộc Trường Cao đẳng Cần Thơ	1	29.229	27.178	27.186	8	
39	Trụ sở Thanh tra TPCT	1	18.300	16.979	17.012	33	
40	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT dân tộc nội trú	1	955	874	874		
41	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Bình Thủy	1	931	852	852		
42	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Trần Đại Nghĩa	1	706	645	645		

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
43	Chi phí BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất công trình xây dựng doanh trại Ban Chỉ huy quân sự quận Bình Thủy,	1	3.679	3.447	3.437	-10	
44	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc các Hội	1	4.408	4.283	4.243	-40	
45	Hệ thống thông tin tổng hợp quản lý hoạt động của các bệnh viện trên địa bàn	1	1.197	1.087	1.094	7	
46	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Chi cục phát triển nông thôn TPCT	1	2.613	2.068	2.008	-60	
47	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản TPCT	1	1.759	1.737	1.632	-105	
48	Lắp đặt đèn cảnh báo giao thông trên địa bàn huyện Phong Điền và huyện Thới Lai, TPCT	1	757	742	749	7	
49	Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng Trường THPT Trung An, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	813	726	731	5	
50	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	968	865	864	-1	
51	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS và THPT Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh	1	787	707	706	-1	
52	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS và THPT Trường Xuân, huyện Thới Lai	1	874	785	784	-1	
53	Chống xuống cấp, tu bổ di tích Đình Bình Thủy	1	896	876	870	-6	
54	Chống xuống cấp, tu bổ di tích Chùa Nam Nhã	1	586	557	554	-3	
55	Chống xuống cấp, tu bổ di tích chùa Nam Nhã	1	1.059	1.049	999	-50	
56	Nghĩa trang liệt sỹ Long Tuyền, quận Bình Thủy. HM: Lát đá granite sân lễ quang tượng đài	1	1.089	1.088	1.088		
57	Nghĩa trang liệt sỹ quận Ô Môn. HM: Nâng cấp, sửa chữa	1	994	993	993		
58	Nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, bảo quản hạt giống lúa Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản TPCT	1	695	565	562	-3	
59	Lắp đặt đường dây trung hạ áp 3 pha và Trạm biến áp 22/0,4 KV - 160 KVA cho Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Cần Thơ	1	854	785	790	5	
60	Trụ sở Đội quản lý thị trường số 2, số 6 (Dự án dừng thực hiện)	1	4.133	218	218		
61	Trường THPT Phan Ngọc Hiển, quận Ninh Kiều	1	11.521	11.071	11.098	27	
62	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của TPCT	1	4.432	3.751	3.786	35	
63	Số hóa tài liệu phong Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ từ năm 1992 đến năm 2003	1	4.995	4.691	4.732	41	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
64	Nghĩa trang Liệt sĩ TPCT, hạng mục: nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ	1	1.096	1.053	1.048	-5	
65	Nghĩa trang Liệt sĩ TPCT, hạng mục: nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ	1	1.096	1.070	1.065	-5	
66	Nghĩa trang Liệt sĩ TPCT, hạng mục: nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ	1	999	998	993	-5	
67	Nâng cấp công đập đê bao Xẻo Cui - Trà Bét, xã Tân Thới, huyện Phong Điền,	1	1.151	1.049	1.048	-1	
68	Cải tạo, nâng cấp đê bao nông thôn tuyến kênh A9 từ ranh ấp đến 5 Ky, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	1.214	1.106	1.096	-10	
69	Cải tạo, nâng cấp đê bao nông thôn tuyến kênh B6 từ ranh ấp đến Thơm Rơm, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	1.787	1.404	1.398	-6	
70	Cải tạo, nâng cấp đê bao nông thôn tuyến kênh M, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	7.038	6.066	6.041	-25	
71	Cải tạo, nâng cấp đê bao nông thôn tuyến kênh M (đoạn 2), xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	1.109	1.005	996	-9	
72	Nâng cấp đê bao bờ trái tuyến kênh Sườn Sinh Cầu 1, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, TPCT	1	2.199	2.034	2.027	-7	
73	Quy hoạch tài nguyên khoáng sản thành phố Cần Thơ giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2025 và khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ	1	5.188	4.274	4.156	-118	
74	Quản lý chất thải lỏng y tế Bệnh viện Đa khoa quận Ô Môn thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện	1	6.878	5.812	5.768	-44	
75	Quản lý chất thải lỏng y tế Bệnh viện Y học cổ truyền thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện	1	5.235	4.361	4.316	-45	
76	Quản lý chất thải lỏng y tế Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện	1	13.081	11.317	11.303	-14	
77	Nạo vét kênh Chợ, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, TPCT	1	1.040	944	939	-5	
78	Nạo vét kênh Mương Bào, phường Thuận An - Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TPCT	1	659	600	591	-9	
79	Nạo vét kênh Trà Luộc - Mương Suốt - Lung Sen, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, TPCT	1	922	827	815	-12	
80	Nạo vét kênh Thăng Lợi 2 (từ chợ Thới Bình đến kênh T1), quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	3.227	2.979	2.968	-11	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
81	Nạo vét kênh kết hợp đê bao nông thôn tuyến rạch Xẻo Cui - Trà Bét, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TPCT	1	7.342	6.862	6.826	-36	
82	Nâng cấp đê bao kết hợp giao thông nông thôn tuyến kênh Thơm Rơm (từ Ba Hàu đến thị trấn Cờ Đỏ), xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	5.508	5.000	4.975	-25	
83	Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Khám Lớn Cần Thơ	1	5.709	4.789	4.753	-36	
84	Xây dựng, nâng cấp nhà tạm giữ Công an quận Ninh Kiều, TPCT.	1	6.862	6.762	6.780	18	
85	Xưởng sửa chữa tổng hợp thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự TPCT	1	14.061	12.475	12.325	-150	
86	Mua sắm trang thiết bị để đảm bảo tổ chức xây dựng lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân thành phố Cần Thơ giai đoạn 2016-2020	1	4.820	4.814	4.813	-1	
87	Trường THPT Trần Đại Nghĩa, quận Cái Răng, TPCT	1	14.258	12.036	12.011	-25	
88	Hệ thống xử lý nước thải các Bệnh viện (Tai mũi họng, Mắt-Răng hàm mặt, Da)	1	4.667	4.010	3.996	-14	
89	Mua sắm máy giúp thở và máy Monitor thực hiện phòng, chống bệnh sởi năm	1	8.945	8.880	8.841	-39	
V	Năm 2020	50	1.403.452	1.292.759	1.287.530	-5.229	-0,40%
1	Bệnh viện Đa khoa Thốt Nốt	1	147.195	140.289	139.810	-479	
2	Khu tái định cư Đường nối thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ (đoạn thuộc thành phố Cần Thơ) - giai đoạn 1	1	97.491	95.225	94.784	-441	
3	Đường Vành đai Sân bay Cần Thơ kết nối đường Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong đoạn từ Km1+675 đến	1	73.311	67.651	67.577	-74	
4	Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cần Thơ	1	494.277	456.415	455.501	-914	
5	Đầu tư nghề trọng điểm Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ, hạng mục Xây dựng hai khối lớp học tích hợp và các hạng mục phụ trợ, thiết bị	1	55.488	54.452	53.896	-556	
6	Bệnh viện Đa khoa huyện Phong Điền	1	119.396	116.130	115.505	-625	
7	Trường Tiểu học Thạnh Mỹ 1, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	18.124	15.240	15.189	-51	
8	Đền thờ Châu Văn Liêm, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	1	27.257	26.427	26.343	-84	
9	Trường THCS và THPT Trường Xuân, huyện Thới Lai, TPCT	1	18.881	15.528	15.392	-136	
10	Mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình thành phố Cần Thơ	1	19.638	13.657	13.657	0	
11	Đường tỉnh 920 (đoạn từ rạch Chôm đến Nhà máy liên doanh Hà Tiên 2)	1	33.016	24.992	25.050	58	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
12	Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải thuộc Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cần Thơ (giai đoạn từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019)	1	18.265	12.708	12.450	-258	
13	Trường THCS và THPT Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	18.902	15.231	15.149	-82	
14	Trường THPT Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	21.199	19.454	19.454		
15	Nâng cấp thiết bị phòng họp trực tuyến, xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu, nâng cấp thiết bị hệ thống mạng, phần mềm đặc thù cho các cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ	1	23.850	21.955	21.909	-46	
16	Trạm bơm điện C2-D2, xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	4.343	3.354	3.351	-3	
17	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	1	1.604	1.375	1.381	6	
18	Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại nút giao khu dân cư Nam Long (đường Nguyễn Văn Quang với đường Võ Nguyên Giáp), quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	1	1.092	1.088	1.087	-1	
19	Hệ thống tổng hợp, thu thập trực tuyến ý kiến đánh giá của công dân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan Nhà nước thành phố giai đoạn 2016-2020	1	4.462	3.195	3.187	-8	
20	Hệ thống cấp nước, thoát nước ngoại vi, đèn chiếu sáng và đường giao thông vào Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi và Bệnh viện Tâm Thần Cần Thơ	1	4.077	3.716	3.662	-54	
21	Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ đất đối với Trường Tương lai, quận Ninh Kiều, TPCT	1	688	629	598	-31	
22	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Xây dựng và mở rộng Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	1	3.752	3.501	3.488	-13	
23	Hệ thống trang âm, cách âm phòng thu S1 của Đài Phát thanh và Truyền hình TPCT	1	2.976	2.669	2.669		
24	Nạo vét kênh kết hợp đê bao nông thôn tuyến Lò Mo - Lung Sập, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, TPCT	1	7.197	6.794	6.763	-31	
25	Mua sắm hàng hóa theo Đề án Đảm bảo chiến lược an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của thành phố Cần Thơ	1	12.365	11.622	11.547	-75	
26	Mua sắm thiết bị soi chiếu X-quang di động cầm tay công nghệ tán xạ ngược	1	12.713	12.595	12.570	-25	
27	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	1	775	763	767	4	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
28	Chống xuống cấp, tu bổ di tích chùa Nam Nhã	1	699	693	691	-2	
29	Nâng cấp, sửa chữa Khu 4, đình Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	1	4.272	4.170	4.158	-12	
30	Trụ sở Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội thành phố Cần Thơ	1	5.149	4.916	4.866	-50	
31	Trường Trung cấp nghề Thới Lai (giai đoạn 2), hạng mục: xưởng thực hành ô tô, xưởng thực hành nuôi trồng thủy sản, sân nội bộ - mương thoát, hệ thống phòng cháy, chữa cháy	1	9.242	8.627	8.522	-105	
32	Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ Khu E thuộc Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	1	1.096	1.068	1.063	-5	
33	Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ Khu F thuộc Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	1	1.091	1.066	1.060	-6	
34	Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ Khu G thuộc Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	1	1.091	1.066	1.060	-6	
35	Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sĩ Khu D thuộc Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	1	1.096	1.058	1.058		
36	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Huyết học Truyền máu thành phố Cần Thơ	1	2.506	2.419	2.288	-131	
37	Cơ sở làm việc Trung đội 1 Bảo vệ mục tiêu Đài phát sóng, phát thanh VN2	1	1.261	1.168	1.158	-10	
38	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và san lấp mặt bằng khu đất quy hoạch xây dựng Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú	1	2.598	2.390	2.355	-35	
39	Trụ sở làm việc Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản TPCT	1	5.923	4.857	4.767	-90	
40	Trường THPT Vĩnh Thạnh (giai đoạn 03)	1	7.499	5.776	5.682	-94	
41	Trường Tiểu học thị trấn Cờ Đỏ 1, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	33.114	32.923	32.706	-217	
42	Trường THCS Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	41.661	37.369	37.220	-149	
43	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống truyền thanh cơ sở và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật các đài truyền thanh cấp huyện	1	21.437	16.089	15.948	-141	
44	Gia cố, bảo dưỡng Trụ anten 80m của Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ	1	1.410	1.232	1.223	-9	
45	Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ, hạng mục; Cải tạo, sửa chữa Khu nhà bếp	1	696	680	678	-2	
46	Nâng cấp phòng họp trực tuyến Hội đồng nhân dân thành phố	1	1.159	1.098	1.078	-20	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
47	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Cần Thơ	1	3.700	3.647	3.630	-17	
48	Dự án Trang thiết bị tác chiến - Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ	1	6.655	6.620	6.575	-45	
49	Nâng cấp, sửa chữa Trung đoàn Bộ binh 932 - Bộ Chỉ huy Quân sự TPCT	1	5.158	4.823	4.705	-118	
50	Nâng cấp, sửa chữa đường tuần tra kho vũ khí đạn - Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ	1	2.605	2.349	2.303	-46	
VI	Năm 2021	44	695.106	597.939	593.540	-4.399	-0,74%
1	Trường Mầm non thị trấn Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt (nay là phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TPCT)	1	34.976	31.628	31.332	-296	
2	Tiểu dự án Đề bao bảo vệ vườn cây ăn trái thành phố Cần Thơ, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền thuộc dự án Thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (WB6)	1	125.624	122.137	121.740	-397	
3	Mua sắm thiết bị thí nghiệm thực hành phục vụ cho các ngành học thuộc Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1	25.104	23.113	22.903	-209	
4	Cụm dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ mở rộng (Thạnh Quới), xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ; hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước sinh hoạt, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống cấp điện.	1	37.211	35.058	34.857	-201	
5	Trường THPT Thới lai, huyện Thới lai, TPCT	1	42.095	36.048	35.835	-213	
6	Đường vào Bộ Chỉ huy quân sự TPCT	1	48.187	43.555	43.361	-194	
7	Tiểu dự án Mô hình thí điểm trồng lúa kỹ thuật hiện đại và cây ăn quả, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thuộc dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6)	1	23.077	20.520	20.379	-141	
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	1	9.123	6.690	6.690	0	
9	Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải thuộc Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cần Thơ năm 2020	1	16.766	14.062	13.111	-951	
10	Bờ kè sông Bò Ót đoạn từ cầu Bò Ót đến vàm sông Bò ót, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	1	38.052	32.215	32.193	-22	
11	Giải phóng mặt bằng xây dựng trụ sở làm việc cho phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy huyện Phong Điền	1	15.320	13.590	13.627	37	
12	Kho vật chứng thuộc Công an TPCT	1	10.466	9.766	9.713	-54	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
13	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ	1	4.425	4.131	4.102	-29	
14	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	1	12.762	11.703	11.581	-122	
15	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Giao thông Vận tải thành phố Cần Thơ	1	4.032	3.870	3.856	-13	
16	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên tuyến tránh Thốt Nốt	1	3.036	2.865	2.801	-64	
17	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ	1	2.777	2.621	2.588	-32	
18	Hệ thống lưu trữ hình ảnh tư liệu truyền hình bằng công nghệ số hóa	1	5.371	5.087	5.019	-68	
19	Hàng rào bao quanh công trình Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ - giai đoạn 1	1	4.667	4.601	4.512	-89	
20	Trang thiết bị hệ thống âm thanh ánh sáng, khung đèn sân khấu Trung tâm Văn hóa thành phố Cần Thơ	1	7.952	7.077	7.036	-42	
21	Tổ chức giao thông Nút giao đường 30 tháng 4 với đường Quang Trung, quận Ninh Kiều, TPCT	1	794	791	779	-12	
22	Tổ chức giao thông Nút giao đường Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 91B) với đường Nguyễn Hiền, đường số 7, quận Ninh Kiều, TPCT	1	966	964	948	-16	
23	Lắp đặt bảng tuyên truyền bằng giá long môn trên các tuyến Đường tỉnh thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ	1	870	864	843	-21	
24	Tổ chức giao thông Nút giao đường Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 91B) với đường Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều,	1	2.866	2.856	2.850	-6	
25	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại nút giao đường Nguyễn Văn Linh và công bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	1	940	937	913	-24	
26	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe thành phố Cần Thơ	1	213	192	187	-5	
27	Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ, hạng mục: Sơn hàng rào, cổng tượng đài, thành mộ, bồn hoa, nhà thờ Bác, nhà Bia, nhà tưởng niệm, bồn nước và các hạng mục khác	1	500	499	482	-17	
28	Nghĩa trang liệt sĩ quận Ô Môn, hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa	1	484	484	479	-4	
29	Trường Mầm non thực hành Trường Cao đẳng Cần Thơ (giai đoạn 2)	1	7.069	6.621	6.610	-11	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
30	Đầu tư nghề trọng điểm Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp sân, đường nội bộ và các hạng mục phụ trợ khác	1	12.521	12.060	11.938	-122	
31	Trùng tu di tích đình Thới An, quận Ô Môn, hạng mục: Xây mới bờ kè, hàng rào, nhà võ ca	1	8.682	7.669	7.652	-16	
32	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Cần Thơ	1	527	454	442	-12	
33	Hệ thống cấp nước tập trung xã Trường Xuân A, huyện Thới Lai	1	14.885	13.989	13.886	-103	
34	Hệ thống cấp nước tập trung xã Định Môn, huyện Thới Lai	1	14.892	13.993	13.933	-60	
35	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền	1	14.895	13.989	13.915	-74	
36	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Y tế thành phố Cần Thơ	1	809	785	755	-30	
37	Bia tường niệm di tích chiến thắng Ông	1	7.346	6.631	6.597	-34	
38	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ	1	1.170	1.122	1.103	-19	
39	Nghĩa trang Liệt sỹ thành phố Cần Thơ, hạng mục: Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sỹ khu H	1	998	996	992	-4	
40	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ	1	5.645	5.367	5.255	-111	
41	Nghĩa trang Liệt sỹ thành phố Cần Thơ, hạng mục: Nâng nền mộ và ốp đá granite mộ liệt sỹ khu I, J, K, L	1	3.483	3.458	3.450	-8	
42	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và Quản lý sau cai nghiện TPCT	1	15.980	15.526	15.287	-238	
43	Đường Sông Hậu (đoạn từ đường vào nhà thi đấu đa năng đến đường quanh công viên nước), phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1	64.590	23.360	23.182	-178	
44	Trường THPT Hà Huy Giáp (Giai đoạn 2), huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	42.954	34.000	33.826	-174	
VII	Năm 2022	18	678.770	472.303	470.497	-1.806	-0,38%
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng; cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	1	150.123	92.162	91.926	-236	
2	Nâng cấp hạ tầng an toàn thông tin thành phố Cần Thơ	1	16.980	15.952	15.951	-1	
3	Trường Mẫu giáo Thốt Nốt	1	21.822	21.513	21.419	-95	
4	Trường tiểu học thị trấn Phong Điền 1, huyện Phong Điền	1	39.522	32.730	32.558	-171	
5	Khối lớp học, phòng thí nghiệm thực hành (giai đoạn 2) tại cơ sở 01 Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1	29.722	21.929	21.792	-137	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
6	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu đất quy hoạch xây dựng Trạm cảnh sát giao thông đường bộ (trạm số 2) tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	1	22.723	20.427	20.463	36	
7	Trường THCS Tân Lộc, quận Thốt Nốt	1	26.037	22.829	22.613	-217	
8	Trường THCS và THPT Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	1	28.289	23.447	23.280	-166	
9	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng Khu huấn luyện 1 thành phố Cần Thơ, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền	1	43.249	40.262	40.101	-162	
10	Chung cư 5 tầng, Trung tâm thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1	92.744	10.229	10.229		
11	Xây dựng phần mềm dịch vụ công trực tuyến các lĩnh vực	1	28.491	23.941	23.891	-50	
12	Xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng	1	16.183	14.221	14.168	-52	
13	Dự án bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp và mở rộng tuyến đường Hà Huy Giáp - Lê Đức Thọ, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	21.782	21.491	21.491		
14	Sửa chữa trụ sở làm việc của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố	1	1.380	1.167	1.163	-4	
15	Xây dựng các dịch vụ nền tảng dùng chung toàn thành phố Cần Thơ	1	9.716	5.797	5.761	-37	
16	03 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	11.839	11.323	11.251	-72	
17	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	1	68.846	52.835	52.625	-210	
18	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1), phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	1	49.323	40.048	39.816	-232	
VIII	Năm 2023	40	1.424.157	1.275.777	1.267.464	-8.313	-0,65%
1	Trường THPT Châu Văn Liêm, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1	106.848	88.349	87.666	-683	
2	Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ (quy mô 200 giường)	1	149.783	141.994	141.517	-477	
3	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ	1	141.607	126.180	125.535	-645	
4	Nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ để thành lập trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	1	89.757	74.481	74.117	-363	
5	Đầu tư xây dựng các hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn để phòng chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn và ứng phó biến đổi khí hậu	1	120.911	112.359	111.062	-1.297	
6	Các cầu trên đường tỉnh 923 (đoạn Cái Răng - Phong Điền)	1	191.623	191.623	190.604	-1.019	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
7	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ	1	73.335	54.057	53.840	-218	
8	Kè chống sạt lở bờ kênh Thốt Nốt (đoạn từ Nhà văn hóa cũ đến rạch Trà Cui), quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	1	99.478	86.329	85.964	-365	
9	Thiết bị y tế chuyên khoa Bệnh viện Đa khoa Thốt Nốt	1	45.754	39.273	38.873	-400	
10	Trung tâm sức khỏe sinh sản Cần Thơ (nay là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ)	1	41.234	37.295	37.102	-193	
11	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại Khu công nghiệp Trà Nóc	1	1.128	1.024	1.024	-1	
12	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Chi cục Thủy lợi, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1	1.941	1.837	1.837	-1	
13	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc, khu vực Thới Thuận, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	1	14.613	14.464	14.463	-1	
14	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu đất quy hoạch xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện Thới Lai (giai đoạn 2) tại xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	1	5.438	4.488	4.501	13	
15	Hệ thống xử lý nước thải nhà tạm giữ Công an quận, huyện thuộc Công an thành phố Cần Thơ	1	5.804	5.560	5.534	-25	
16	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Giao thông Vận tải	1	1.293	935	908	-26	
17	Trụ sở các Đội Thanh tra giao thông và các đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông Vận tải	1	4.928	4.517	4.203	-314	
18	Mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Cần Thơ	1	42.503	41.844	41.766	-78	
19	Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị hợp tác xã An Xuân, xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, TPCT	1	9.310	7.091	7.090	-1	
20	Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị hợp tác xã Đồng Vạn, thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	5.469	3.858	3.855	-3	
21	Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị hợp tác xã Quyết Thắng, xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, TPCT	1	6.878	4.716	4.713	-3	
22	Tiểu dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị hợp tác xã Hiếu Bình, xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	10.358	9.165	9.135	-30	
23	Tiểu dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị hợp tác xã Đại Lợi, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	1	8.676	7.792	7.778	-14	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
24	Tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hợp tác xã nông nghiệp Tân Lợi, xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh thuộc dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB)	1	9.830	7.928	7.927	-1	
25	Tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hợp tác xã nông nghiệp Thành Thắng, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai thuộc dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB)	1	8.361	7.291	7.290	-1	
26	Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho hợp tác xã Khiết Tâm, xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	8.488	6.933	6.879	-55	
27	Tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hợp tác xã nông nghiệp Thịnh Phát, xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh thuộc dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB)	1	10.075	7.714	7.634	-80	
28	Tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hợp tác xã nông nghiệp Nhân Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh thuộc dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ	1	7.180	6.759	6.695	-64	
29	Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Thần Nông, xã Thạnh Lộc, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh thuộc dự án VnSAT Cần Thơ	1	8.258	6.627	6.546	-81	
30	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường	1	7.351	6.610	6.465	-145	
31	Đường số 9 cạnh Bệnh viện Ung bướu và Đường số 11 cạnh rạch Rau Răm	1	6.253	5.724	5.574	-150	
32	Trung tâm Y tế huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	23.919	22.413	22.369	-44	
33	Trường Tiểu học Trung Hưng 1, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	1	13.754	12.635	12.278	-358	
34	Trường Tiểu học Trường Xuân B, huyện Thới Lai, TPCT	1	23.698	17.183	17.016	-167	
35	Trường THCS Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	27.683	26.274	26.028	-245	
36	06 Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	1	25.185	20.232	19.805	-428	
37	Trường Tiểu học Thốt Nốt 3, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	1	27.714	27.248	27.170	-78	

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
38	Nâng cấp, mở rộng đường Mai Văn Bộ, quận Thốt Nốt	1	31.750	29.341	29.076	-264	
39	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	2.988	2.904	2.897	-7	
40	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ	1	3.000	2.727	2.727	-1	
IX	Năm 2024 (đến 30/6/2024)	18	846.985	300.886	300.020	-866	-0,29%
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Ban Dân tộc thành phố Cần Thơ	1	3.415	3.238	3.221	-17	
2	Xây dựng cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc đường tỉnh 922, thành phố Cần	1	99.425	88.309	88.072	-236	
3	Sửa chữa, cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy Kho lưu trữ lịch sử thành phố	1	2.019	1.882	1.748	-134	
4	Hạng mục: Nhu cầu cấp điện cho các hộ dân chưa có điện trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, Thới Lai, Phong Điền và nhu cầu cấp điện cho các trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh; Chi phí chung dự án và Chi phí quản lý dự án (Hạng mục Đường dây trung áp, hạ áp và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân chưa có điện trên địa bàn huyện Cờ Đỏ) thuộc dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2015-2020	1	557.534	42.790	42.424	-366	
5	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến Kênh Tô Ma – KH8 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Trường Xuân, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai	1	13.797	13.067	13.067		
6	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến Kênh Bông Giếng – Lung Sập kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Trường Thành, huyện Thới Lai	1	12.444	10.588	10.588		
7	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh Sườn 2 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa phường Trung Nhứt, quận Thốt Nốt	1	11.897	9.168	9.168		
8	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh Bún Lớn kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Trường Thắng, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai	1	13.730	11.453	11.453		
9	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh Cái Túc kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Trường Thành, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai	1	14.103	12.603	12.603		

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Tăng(+)/Giảm(-)	Tỷ lệ giảm trừ
10	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh Thăng Lợi 2 – kênh T1 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Vĩnh Trinh, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh	1	13.701	13.147	13.147		
11	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh B7 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ	1	12.468	10.490	10.490		
12	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh 7 Thước – kênh N1 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ	1	9.071	8.609	8.609		
13	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh 8 Tháng 3 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh	1	13.191	12.499	12.499		
14	Tiểu dự án Nâng cấp mặt bờ bao (đê bao) tuyến kênh B5 kết hợp giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ	1	12.393	11.491	11.491		
15	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ	1	4.552	4.246	4.232	-14	
16	Sửa chữa trụ sở Viện Quy hoạch xây dựng	1	1.491	1.417	1.415	-1	
17	Hạ tầng Khu dân cư - Khu tái định cư hai bên đường Nguyễn Văn Cừ	1	28.743	26.560	26.462	-98	
18	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer (khoảng 2,8ha) tại phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	1	23.011	19.331	19.331		